Người ký: Trung tâm Phục vụ hành chính công
Email: vanthu-kontum@chinhphu.vn
Cơ quan: Tỉnh Kon Tum
Thời gian ký: 27.09.2024 15:40:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16/CT-UBND	*Kon Tum, ngày 05 tháng 9 năm 2024*

CHỈ THỊ
Về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; Công văn số 6555/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương triển khai việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo các nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 và các Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 của các huyện, thành phố; trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2021, 2022, 2023, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025, các cơ quan, đơn vị đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; trong đó yêu cầu tập trung vào các nội dung cụ thể sau:

1. Bối cảnh, việc quản lý, triển khai và chấp hành quy định của pháp luật, chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp về đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025. Đánh giá việc ban hành văn bản, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn trong quản lý đầu tư công của đơn vị.

2. Tình hình phân bổ, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo ngành, lĩnh vực, chương trình, nhiệm vụ, dự án theo từng nguồn vốn (*vốn ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (nếu có)*).

3. Tình hình phân bổ, giao, điều chỉnh, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công các năm 2021, 2022, 2023, ước thực hiện năm 2024, dự kiến kế hoạch năm

2025 theo từng nguồn vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án, cụ thể:

a) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước và từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 nhưng chưa được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để hoàn trả (*nếu còn*).

b) Thu hồi vốn ứng trước đến hết giai đoạn 2021-2025 theo quy định, bao gồm cả việc triển khai theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 của Quốc hội[32]; xác định số dư vốn ứng trước còn lại phải bố trí vốn thu hồi trong giai đoạn 2026-2030 (*nếu còn*).

c) Triển khai thực hiện các dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

d) Thực hiện các dự án sử dụng vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023; dự phòng ngân sách trung ương hằng năm (*nếu có*).

đ) Xác định danh mục dự án và kế hoạch đầu tư công chi tiết theo từng nguồn vốn tương ứng (*chi tiết dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C*), cụ thể: Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí đủ vốn kế hoạch hằng năm (*chi tiết số vốn giao và giải ngân hằng năm*); Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025 theo tiến độ; Danh mục dự án đã được giao kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm (*không bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư*); Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài đã ký Hiệp định, đã được gia hạn Hiệp định vay nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài có Hiệp định vay hết thời hạn trước 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn thời hạn báo cáo chi tiêu hoàn chứng từ theo quy định của nhà tài trợ.

e) Tình hình thực hiện kế hoạch, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công cho nhiệm vụ cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

g) Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: báo cáo cụ thể nguồn thu được để lại theo quy định của pháp luật bố trí cho đầu tư; tình hình phân bổ, điều chỉnh, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án.

h) Đối với vốn ngân sách địa phương:

- Đối với số vốn trong cân đối ngân sách địa phương: Báo cáo rõ số vốn cân đối ngân sách địa phương được giao hằng năm so với số vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao, tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công vốn cân

---

[32] Về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

đối ngân sách địa phương. Đánh giá nguồn và mức độ thu từ đất, xổ số kiến thiết so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá tình hình thực hiện nguồn bội chi; nguồn tăng thu ngân sách địa phương, nguồn thu được từ sắp xếp xử lý lại trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh và đánh giá mức độ thu so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá tình hình thực hiện cam kết bố trí vốn của địa phương đối với những dự án có sử dụng vốn ngân sách trung ương, nhất là dự án trọng điểm. Đánh giá nguồn dư nợ ngân sách địa phương của các địa phương được áp dụng thí điểm các cơ chế chính sách đặc thù theo Nghị quyết của Quốc hội (*nếu có*).

4. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển; tình hình thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong giai đoạn 2021-2025 (*bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn của nhà đầu tư (nếu có)*).

5. Kết quả đạt được, hiệu quả đầu tư dự án, năng lực tăng thêm. Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo từng nguồn vốn.

6. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc; Nguyên nhân (*khách quan, chủ quan*); Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bài học kinh nghiệm; Đề xuất, kiến nghị (*kể cả các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách cần triển khai trong thời gian còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra (nếu có)*).

7. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG): Các cơ quan chủ trì CTMTQG (*Ban Dân tộc tỉnh; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đánh giá:

a) Kết quả xây dựng, trình ban hành các cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình (*bao gồm cả kết quả sửa đổi, bổ sung các văn bản theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền*); Đánh giá việc áp dụng các quy định đặc thù; Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong triển khai thực hiện, quản lý các CTMTQG giai đoạn 2021-2025.

b) Tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương (*gồm vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, trong đó cụ thể vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có)*), chi tiết đến dự án/tiểu dự án/nội dung thành phần của từng CTMTQG giai đoạn 2021-2025. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; Kết luận của Kiểm toán nhà nước và kết quả thực hiện các kiến nghị của

Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan (*nếu có*).

c) Các kết quả đạt được; các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế; nguyên nhân (*khách quan, chủ quan*); bài học kinh nghiệm; trách nhiệm của các cấp, các ngành; đề xuất giải pháp, chính sách (*nếu có*).

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Tổng số vốn đầu tư công của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan, đơn vị. Tình hình phân bổ vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình của các cơ quan, đơn vị.

2. Tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trong kế hoạch đầu tư công hằng năm.

3. Kết quả đạt được. Tính khả thi và khả năng hoàn thành các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình theo các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, trách nhiệm của cá nhân, tập thể. Bài học kinh nghiệm. Đề xuất giải pháp, kiến nghị (*nếu có*).

III. TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu và định hướng đầu tư công giai đoạn 2026-2030:

a) Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển phục vụ cho việc thực hiện dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030.

b) Tập trung bố trí trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ, công trình, dự án lớn, mang tính biểu tượng, xoay chuyển tình hình và chuyển trạng thái, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; không bố trí vốn dài trải, manh mún; đối với các địa phương, vốn đầu tư công được lập phù hợp với từng cấp chính quyền, từng cấp ngân sách, phạm vi địa giới hành chính và yêu cầu phát triển của các cấp địa phương. Số lượng dự án đầu tư vốn ngân sách trung ương thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 phải thấp hơn giai đoạn 2021-2025 khoảng 15 đến 20% tổng số lượng dự án theo định hướng của Thủ tướng Chính phủ; để tập trung cho các dự án lớn, quan trọng và không mất nhiều thời gian làm thủ tục. Đảm bảo tổng mức đầu tư của các chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn phải đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công.

c) Tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho xây dựng cơ sở hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu, hạn hán, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng của tỉnh.

d) Chỉ bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các chương

trình, nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Quán triệt nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để dẫn dắt, khai thác tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công - tư để tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt đối với các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế; các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc các ngành y tế, giáo dục, xã hội...

2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030:

a) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 bám sát các quan điểm, mục tiêu, định hướng của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030 tỉnh Kon Tum; Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối vĩ mô, an toàn nợ công.

b) Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp quyết nghị thông qua. Không bố trí vốn đầu tư công cho chương trình, nhiệm vụ, dự án không thuộc đối tượng đầu tư công, ngành, lĩnh vực đầu tư công theo quy định.

Ngân sách trung ương (*bao gồm cả hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương*) phải tập trung đầu tư vào các dự án quan trọng, dự án lớn, có tính liên vùng, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, kiên quyết khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải, kém hiệu quả; ngân sách địa phương tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện và dứt khoát không dàn trải, manh mún, phải có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao.

c) Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, các cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 phù hợp với các mục tiêu, định hướng phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026-2030; không bố trí vốn dàn trải, manh mún; tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe Nhân dân, thích ứng với biến đổi khí

hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước, chuyển đổi xanh; thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (*nếu còn*), thu hồi dứt điểm số dư vốn ứng trước phải thu hồi theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội (*nếu còn*).

d) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2025 (*đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025*) và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2026-2030, vốn để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với đề cao trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; giảm thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư công, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030:

Trên cơ sở các quy định tại Luật Đầu tư công, các mục tiêu, định hướng, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 quy định tại điểm 1 và 2 Mục III, các cơ quan, đơn vị rà soát, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực cho nhiệm vụ, chương trình, dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán hết số nợ đọng xây dựng cơ bản (*phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015*) theo quy định của Luật Đầu tư công (*nếu còn*);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả hết số vốn ứng trước kế hoạch (*nếu còn*);

c) Phân bổ đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (*bao gồm cả vốn đối ứng*); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (*chưa hoàn thành trong kỳ kế hoạch*);

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư (*làm rõ vốn chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến*

khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031-2035);

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

g) Phân bổ vốn cho cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

IV. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan:

a) Theo dõi, đôn đốc, kịp thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong quá trình lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

b) Chậm nhất không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo số vốn dự kiến đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 của cấp có thẩm quyền: Xây dựng, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông báo dự kiến số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 cho các cơ quan, đơn vị.

c) Trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 được cấp có thẩm quyền ban hành: Khẩn trương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 của tỉnh theo quy định.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, báo cáo cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hoàn thành tham mưu **trước ngày 24 tháng 9 năm 2024** (*đối với dự thảo lần 1*) và **trước ngày 20 tháng 6 năm 2025** (*đối với dự thảo hoàn chỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*).

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn 2026-2030.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1 Mục này.

3. Các cơ quan, đơn vị:

a) Căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Chỉ thị này (*kèm theo các biểu*

mẫu có liên quan): Thực hiện rà soát, tổng hợp nhu cầu vốn, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của cơ quan, đơn vị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính **trước ngày 14 tháng 9 năm 2024** theo đúng quy định.

b) Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và đề nghị của cấp thẩm quyền: Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của cơ quan, đơn vị theo ý kiến thẩm định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo đúng quy định.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những yêu cầu, nhiệm vụ được giao trong Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện theo tiến độ quy định tại Luật Đầu tư công, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 có chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn cụ thể. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

Biểu mẫu số 01

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Nguồn vốn đầu tư	Số dự án	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Trong đó:															Giải ngân kế hoạch trung hạn																		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Kế hoạch năm 2021			Kế hoạch năm 2022			Kế hoạch năm 2023			Kế hoạch năm 2024			Dự kiến Kế hoạch năm 2025			Tổng số			Trong đó:															
				Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Kế hoạch năm 2021			Kế hoạch năm 2022			Kế hoạch năm 2023			Ước giải ngân kế hoạch năm 2024			Ước giải ngân kế hoạch năm 2025				
							Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Trong nước	Nước ngoài	
																									Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
	TỔNG SỐ																																						
I	Vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN																																						
1	Cân																																						

	đối ngân sách địa phương																																						
	Trong đó:																																						
a	**Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức**																																						
	Trong đó: Phân cấp cho ngân sách cấp huyện																																						
b	**Đầu tư từ**																																						

	nguồn thu sử dụng đất																																						
	Trong đó:																																						
-	**Phân bổ vốn theo dự án**																																						
-	**Vốn điều lệ quỹ hỗ trợ phát triển sử dụng đất**																																						
-	**Vốn chi phí quản lý đất đai**																																						
c	**Đầu tư từ nguồn**																																						

	thu xổ số kiến thiết																																						
	Trong đó: Phân cấp cho ngân sách cấp huyện																																						
d	**Bội chi ngân sách địa phương**																																						
2	**Ngân sách trung ương**																																						
a	**Vốn ngân sách trung ương (trong nước)**																																						

	hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực																																						
b	**Các chương trình mục tiêu Quốc gia**																																						
-	**Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**																																						

-	**Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững**																																						
-	**Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**																																						
II	**Các nguồn thu để lại đầu tư**																																						
	Trong đó:																																						
-	**Nguồn ….**																																						
-	**….**																																						

Biểu mẫu số 02

(dành cho các Sở, ban, ngành)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

STT+ A5:Z7	Danh mục dự án	Mã số dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSĐP giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2025	Trong đó bố trí từng năm					Lũy kế vốn giải ngân từ năm 2021-2025	Trong đó giải ngân từng năm					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số (tất cà các nguồn vốn)	Trong đó			Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Dự kiến kế hoạch năm 2025		Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2021 được kéo dài sang 2022)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2022 được kéo dài sang 2023)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2023 được kéo dài sang 2024)*	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2024	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2025	
							Tổng số (tất cả các nguồn vồn)	Trong đó: vốn NSĐP				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ																									
I	**Nguồn Cân đối NSĐP theo tiêu chí, định mức**																									
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
	THỰC HIỆN DỰ ÁN																									
1	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn**																									

	từ năm 2021 đến năm 2025																									
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
2	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm**																									

	2025																									
(1)	Dự án ...																									
…	……..																									
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
…	……..																									
II	**Nguồn Thu tiền sử dụng đất**																									
	Phân loại như trên																									
II	**Nguồn Thu xổ số kiến thiết**																									
	Phân loại như trên																									
…	**Nguồn ...**																									

Biểu mẫu số 02B

(dành cho UBND các huyện, thành phố)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSĐP giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2025	Trong đó bố trí từng năm					Lũy kế vốn giải ngân từ năm 2021-2025	Trong đó giải ngân từng năm					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Dự kiến kế hoạch năm 2025		Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2021 được kéo dài sang 2022)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2022 được kéo dài sang 2023)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2023 được kéo dài sang 2024)*	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2024	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2025	
							Tổng số (tất cả các nguồn vồn)	Trong đó: vốn NSĐP				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ																									
I	**Nguồn Cân đối NSĐP theo tiêu chí, định mức**																									
I.1	**VỐN PHÂN CẤP CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**																									
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
	THỰC HIỆN DỰ ÁN																									

1	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
2	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn**																									

	từ năm 2021 đến năm 2025																									
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
…	…….																									
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
…	…….																									
I.2	**VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**																									
	Phân loại như trên mục I.1																									
II	**Nguồn Thu tiền sử dụng đất**																									

	Phân loại như trên																									
II	**Nguồn Thu xổ số kiến thiết**																									
	Phân loại như trên																									
...	**Nguồn ...**																									

Biểu mẫu số 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSĐP giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2025	Trong đó bố trí từng năm					Lũy kế vốn giải ngân từ năm 2021-2025	Trong đó giải ngân từng năm					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Dự kiến kế hoạch năm 2025		Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2021 được kéo dài sang 2022)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2022 được kéo dài sang 2023)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2023 được kéo dài sang 2024)*	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2024	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2025	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ																									
I	**Nguồn…**																									
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
	THỰC HIỆN DỰ ÁN																									
1	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
2	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
II	**Nguồn …**																									
	Phân loại như trên																									

Biểu mẫu số 04

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) THEO NGÀNH, LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2025	Trong đó bố trí từng năm					Lũy kế vốn giải ngân từ năm 2021-2025	Trong đó giải ngân từng năm					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Dự kiến kế hoạch năm 2025		Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2021 được kéo dài sang 2022)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2022 được kéo dài sang 2023)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2023 được kéo dài sang 2024)*	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2024	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2025	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn cấp đối NSĐP				Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ																									
I	**Ngành, lĩnh vực, Chương trình**																									
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
	THỰC HIỆN DỰ ÁN																									
1	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
2	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020**																									
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025**																									
(1)	Dự án ...																									
...	.....																									

b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																									
(1)	Dự án ...																									
…	……..																									
II	**Ngành, lĩnh vực, Chương trình**																									
	Phân loại như trên																									
…	**Nguồn …**																									
…	…																									

Biểu mẫu số 05

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2025	Trong đó bố trí từng năm				Lũy kế vốn giải ngân từ năm 2021-2025	Trong đó giải ngân từng năm				Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024		Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2021 được kéo dài sang 2022)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2022 được kéo dài sang 2023)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2023 được kéo dài sang 2024)*	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2024	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW											
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
-	**TỔNG SỐ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	**Ngành, lĩnh vực, Chương trình**																		
1	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																		
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																		
(1)	Dự án ...																		
…	…….																		
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																		
(1)	Dự án ...																		
2	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020**																		
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025**																		
(1)	Dự án ...																		
…	…….																		
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																		
(1)	Dự án ...																		
…	…….																		

Biểu mẫu số 06

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2025	Trong đó bố trí từng năm					Lũy kế vốn giải ngân từ năm 2021-2025	Trong đó giải ngân từng năm					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Dự kiến kế hoạch năm 2025		Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2021 được kéo dài sang 2022)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2022 được kéo dài sang 2023)*	Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 *(bao gồm cả số giải ngân năm 2023 được kéo dài sang 2024)*	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2024	Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2025	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
-	**TỔNG SỐ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	**Ngành, lĩnh vực, Chương trình**																							
1	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																							
a	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**																							
(1)	Dự án ...																							
...	.....																							
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																							
(1)	Dự án ...																							
2	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020**																							
a	**Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025**																							
(1)	Dự án ...																							
...	.....																							
b	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																							
(1)	Dự án ...																							
...	.....																							
II	**Ngành, lĩnh vực, Chương trình**																							
	Phân loại như trên																							

Biểu mẫu số 07

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư ban đầu								Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao đến hết năm 2024							Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đến hết năm 2024							Dự kiến kế hoạch năm 2025							Ghi chú
						Số quyết định	TMĐT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)				
								Tổng số	Trong đó: vốn …	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW			Trong đó			Tổng số	Trong đó: vốn NSTW			Trong đó			Tổng số	Trong đó: vốn NSTW			Trong đó			Tổng số	Trong đó: vốn NSTW			Trong đó			
											Tổng số	Trong đó:							Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại						Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại						Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại						Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại		
												Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại				*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*								*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*								*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*								*Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước*				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43
	TỔNG SỐ																																								
A	**VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**																																								
I	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																																								

1	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***																																										
(1)	Dự án ...																																										
(2)	Dự án ...																																										
2	***Các dự án khởi công mới***																																										
(1)	Dự án ...																																										
...	.....																																										
B	**VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**																																										
...	**Phân loại như phần A**																																										

Biểu mẫu số 08

TỔNG HỢP NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030								Ghi chú
		Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030				
		Số dự án	Tổng số vốn	Trong đó:		Số dự án	Tổng số vốn	Trong đó:		
				Trong nước	Nước ngoài			Trong nước	Nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ									
I	**Vốn ngân sách nhà nước**									
	Trong đó:									
1	**Đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương**									
	Trong đó:									
a	Nguồn cân đối theo tiêu chí định mức									
	Trong đó: Phân cấp cho ngân sách cấp huyện									
b	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất									
	Trong đó:									
	+ Phân bổ vốn theo dự án									
	+ Vốn điều lệ quỹ hỗ trợ phát triển sử dụng đất									
	+ Vốn chi phí quản lý đất đai									
c	Xổ số kiến thiết									
d	Bội chi ngân sách địa phương									
2	**Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu**									
a	Vốn ngân sách trung ương (trong nước) hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực									
b	Các chương trình mục tiêu Quốc gia									
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi									
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững									
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới									
II	**Các nguồn thu được để lại đầu tư (ghi đầy đủ các nguồn vốn)**									
	Trong đó:									
-	Nguồn…..									
-	Nguồn…..									

Biểu mẫu số 09

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A/B/C)	Ngành, lĩnh vực	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC	Thời gian HT	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư/QĐ phê duyệt dự toán CBĐT			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025			Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2026		Vốn bố trí còn thiếu so với TMĐT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn cân đối NSĐP			Tóm tắt sự cần thiết đầu tư đối với các dự án đề xuất khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
								Số quyết định, ngày ban hành	Tổng mức đầu tư									Trong đó:		Văn bản của cấp có thẩm quyền (nếu có)/sắp xếp thứ tự, mức độ ưu tiên trong danh mục dự án đề xuất đầu tư của đơn vị	Sự phù hợp về Quy hoạch, kế hoạch	Mặt bằng thi công		Chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		
									Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSĐP	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSĐP	Trong đó: Cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSĐP	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSĐP	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSNN	Thanh toán nợ XDCB			Đã có mặt bằng sạch thi công, không phải GPMB	Phải GPMB	Không cần chuyển đổi mục đích sử dụng rừng	Cần chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (ghi rõ dự kiến diện tích chuyển đổi), thẩm quyền quyết định việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)																										
A	**NGUỒN CÂN ĐỐI NSĐP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC**																										
A.1	**VỐN PHÂN CẤP CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**																										
A.2	**VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ**																										
I	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**																										
1	Dự án ...																										
2	Dự án ...																										
...	.....																										
II	**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**																										
1	Dự án ...																										
2	Dự án ...																										
...	.....																										
III	**THỰC HIỆN DỰ ÁN ((1)+(2)+(3))**																										
(1)	***Danh mục dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-***																										

	2025 sang giai đoạn 2026-2030																										
a)	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2025***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
b)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
b.2)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																										
1	Dự án ...																										
(2)	***Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030***																										
a)	***Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
b)	***Dự án khởi công mới hoàn thành sau giai đoạn 2026-2030***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
(3)	***Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh***																										

	nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã																										
B	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**																										
	Phân loại tương tự như Mục A																										
C	**NGUỒN THU SỐ KIẾN THIẾT**																										
	Phân loại tương tự như Mục A																										

Biểu mẫu số 10

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐẦU TƯ (BAO GỒM NGUỒN THUÊ ĐẤT VÀ TIỀN BÁN TÀI SẢN TRÊN ĐẤT)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030								Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP			
											Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[1]			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ																	
A	**NGUỒN ……**																	
I	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**																	
1	Dự án ...																	
2	Dự án ...																	
…	…….																	
II	**THỰC HIỆN DỰ ÁN ((1)+(2))**																	
(1)	***Danh mục dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030***																	
a)	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2025***																	
1	Dự án ...																	

…	…….																	
b)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025***																	
1	Dự án ...																	
…	…….																	
b.2)	**Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025**																	
1	Dự án ...																	
(2)	***Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030***																	
a)	***Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030***																	
1	Dự án ...																	
…	…….																	
b)	***Dự án khởi công mới hoàn thành sau giai đoạn 2026-2030***																	
1	Dự án ...																	
…	…….																	
B	**NGUỒN ….**																	
	Phân loại tương tự như Mục A																	
…	**…**																	

Biểu mẫu số 11

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A/B/C)	Địa điểm xây dựng	Nội dung năng lực thiết kế	Thời gian KC	Thời gian HT	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự toán CBĐT			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025			Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2026		Vốn bố trí còn thiếu so với TMĐT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn NSTW			Tóm tắt sự cần thiết đầu tư đối với các dự án đề xuất khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
								Tổng mức đầu tư										Trong đó:		Văn bản của cấp có thẩm quyền (nếu có)/sắp xếp thứ tự, mức độ ưu tiên trong danh mục dự án đề xuất đầu tư của đơn vị	Sự phù hợp về Quy hoạch, kế hoạch	Mặt bằng thi công		Chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		
							Số quyết định, ngày ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW giai đoạn 2021-2025	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSNN	Thanh toán nợ XDCB			Đã có mặt bằng sạch thi công, không phải GPMB	Phải GPMB	Không cần chuyển đổi mục đích sử dụng rừng	Cần chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (ghi rõ dự kiến diện tích chuyển đổi), thẩm quyền quyết định việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
I	**Quốc phòng**																									
a	*Danh mục dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030*																									
	Dự án……																									
b	*Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030 và hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030*																									
	Dự án…….																									
c	*Danh mục dự án hoàn thành sau giai đoạn 2026-2030*																									
	Dự án…..																									
II	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**																									
	Phân loại như trên																									

III	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**																									
	Phân loại như trên																									
IV	**Khoa học, công nghệ**																									
	Phân loại như trên																									
V	**Y tế, dân số và gia đình**																									
	Phân loại như trên																									
VI	**Văn hóa, thông tin**																									
VI.1	***Văn hóa***																									
	Phân loại như trên																									
VI.2	***Thông tin***																									
	Phân loại như trên																									
VII	***Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định***																									

	của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã																										
...																											

Biểu mẫu số 12

DANH MỤC ĐỀ XUẤT BỐ TRÍ VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NƯỚC NGOÀI NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ VỐN ĐỐI ỨNG DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm								Dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú
															Trong đó							
							TMĐT							Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài			
								Trong đó:								Trong đó				Trong đó		
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài						NSTW		NSĐP				
											Quy đổi ra tiền Việt											
						Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Vay lại		Tổn số	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	
	TỔNG SỐ																					
1	**Lĩnh vực**																					